

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp
ĐG-48 tại xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần
Thương mại dịch vụ vật tư thiết bị Trương Nguyễn**
(Trừ lượng tính đến tháng 6 năm 2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về Quy định về phân cấp trừ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất san lấp tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai) cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vật tư thiết bị Trương Nguyễn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vật tư thiết bị Trương Nguyễn;

Theo Kết quả phiên họp ngày 25/6/2025 của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 278/TTr-SNNMT ngày 28/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo “Báo cáo kết quả

thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ĐG-48 tại xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai” của Công ty CP Thương mại dịch vụ Vật tư Thiết bị Trương Nguyễn, với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản là 3,06ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo cấp 122 là 210.731 m³; hệ số nở ròi 1,265.

3. Khoáng sản đi kèm: Đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường ở cấp 122 là 10.279 m³.

4. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng: đến cost +101,5m, thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tài chính; Chủ tịch UBND xã Đề Gi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vật tư thiết bị Trương Nguyễn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chi cục ĐC&KS Miền Trung;
- Lưu: VT, N4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP ĐG-48 TẠI XÃ ĐỀ GI, TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15'		
STT	X (m)	Y (m)
1	1.560.556	598.925
2	1.560.548	599.075
3	1.560.340	599.047
4	1.560.342	598.908
Diện tích: 3,06 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Phụ lục II

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP ĐG-48 TẠI XÃ ĐỀ GI, TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

(Trữ lượng tính đến tháng 6 năm 2025)

TT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Mức sâu tính trữ lượng thấp nhất (m)	Trữ lượng khoáng sản toàn mỏ (m ³)	Trữ lượng khoáng sản chính: đất san lấp (m ³)	Trữ lượng khoáng sản đi kèm: đá tảng lẫn làm VLXD TT (m ³)	Ghi chú
1	TN1-122	+101,5	112.042	107.668	4.374	
2	TN2-122	+132,7	108.968	103.063	5.906	
Tổng cộng			221.010	210.731	10.279	